

Bản án số 22/ 2023/ DS-ST

Ngày 25/5/ 2023.

V/v: “ *Tranh chấp Hợp đồng
mượn quyền sử dụng đất
và đòi quyền sử dụng đất* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM , TỈNH BẮC GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thụ, ông Nguyễn Tiến Chính

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang– Thư ký Tòa
án nhân dân huyện Lục Nam tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà
Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên

Ngày 25/5/ 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc
Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2022/
TLST- DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “ *Tranh chấp Hợp đồng mượn
quyền sử dụng đất và đòi quyền sử dụng đất* ” , theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 21/ 2022/ QĐST- DS ngày 24/3 / 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn T1 - Sinh năm 1983(Có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn T2 - Sinh năm 1983(Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Bùi Thị Vách- Sinh năm 1954 (Có mặt),

Chị Lưu Thị Nguyệt- Sinh năm 1983(Vắng mặt- Ủy quyền cho anh Trần
Văn T2 tham gia tố tụng).

Chị Vương Thị Hoa- Sinh năm 1984 (Vắng mặt- Ủy quyền cho anh Trần
Văn T1 tham gia tố tụng).

Anh Trần Văn Phương- Sinh năm 1976(Vắng mặt).

Chị Trần Thị Trình – Sinh năm 1979 (Có mặt)

Cùng cư trú: Thôn AP, xã Trường Giang, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và phiên tòa, nguyên
đơn là anh Trần Văn T1 và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị
Vương Thị Hoa trình bày: Năm 1997, bố mẹ anh T1 là ông Trần Văn Hưởng,
bà Bùi Thị Vách được Ủy ban nhân dân xã Trường Giang, huyện Lục Nam giao
thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/ 12/ 2003,
diện tích 14.700m², mục đích sử dụng trồng cây lâu năm, địa chỉ tại thôn AP, xã
Trường Giang, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Năm 2013, anh Trần Văn T2

hỏi mượn ông Hưởng, bà Vách quyền sử dụng khoảng 5000m² đất rừng thuộc thửa đất trên, có vị trí, diện tích như tại bản đồ đo đạc thẩm định ngày 16/ 01/ 2023. Từ đó đến nay vợ chồng anh Tiến, chị Nguyệt sử dụng toàn bộ diện tích đất trên để trồng rừng. Năm 2018 anh Tới đã múc rãnh làm ranh giới giữa diện tích anh Tiến mượn và diện tích còn lại. Rãnh trên thuộc diện tích đất rừng của anh Tới, không thuộc diện tích của vợ chồng anh Tiến. Cuối năm 2020 ông Hưởng chết không có di chúc. Sau đó gia đình anh Tới gồm anh Tới, anh Tiến, bà Vách, anh Trần Văn Phương, chị Trần Thị Trình đã họp gia đình và thống nhất làm thủ tục chia di sản thừa kế là toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 00, tờ bản đồ 00(Gồm cả diện tích cho vợ chồng anh Tiến mượn) và làm thủ tục thừa kế cho anh Trần Văn T1. Khi gia đình làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bà Vách và thừa kế cho anh Tới thì anh Tiến đều tự nguyện ký nhận. Đến ngày 01/ 12/ 2021 thì anh Tới được mang tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, diện tích 14.700m² tại thôn AP, xã Trường Giang, huyện Lục nam, tỉnh Bắc Giang. Tuy nhiên vợ chồng anh Tiến vẫn trồng và chăm sóc số cây bạch đàn đến nay , hiện nay còn khoảng 700 cây đến 800 cây bạch đàn. Sau đó anh Tới có đòi lại quyền sử dụng diện tích đất anh Tiến mượn nhưng vợ chồng anh Tiến không trả lại. Trường hợp anh Tới trả tiền cây bạch đàn trên đất là 80.000.000 đồng thì anh Tiến mới đồng ý trả lại quyền sử dụng đất đã mượn năm 2013.

Nay anh Tới xác định quyền sử dụng đất trên là tài riêng của anh Tới do được thừa kế năm 2021. Anh Tới yêu cầu anh Tiến, chị Nguyệt trả lại quyền sử dụng đất đang trồng bạch đàn theo Hợp đồng cho mượn năm 2013. Về số cây bạch đàn vợ chồng anh Tiến, chị Nguyệt đang trồng trọt thì anh Tới đồng ý trả tiền theo mức giá Nhà nước định giá.

***Bị đơn** là anh Trần Văn T2 và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Lưu Thị Nguyệt (Đại diện theo ủy quyền là anh Tiến) tại bản tự khai, biên bản hòa giải và phiên tòa trình bày: Bố mẹ anh Tiến là ông Trần Văn Hưởng, bà Bùi Thị Vách có thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/ 12/ 2003, diện tích 14.700m², mục đích sử dụng trồng cây lâu năm. Năm 2013, ông Hưởng, bà Vách đã nói miệng tặng cho vợ chồng anh Tiến, chị Nguyệt quyền sử dụng khoảng 0,5ha đất rừng thuộc thửa đất trên; vị trí diện tích như thể hiện tại bản đồ đo đạc ngày 16/01/2023. Khi tặng cho thì không có biên bản gì, chỉ nói miệng. Từ đó đến nay vợ chồng anh Tiến, chị Nguyệt sử dụng toàn bộ 5000m² đất trên trồng keo, đến năm 2018 thì trồng bạch đàn đến nay. Năm 2018 anh Tới và ông Hưởng đã múc rãnh làm ranh giới giữa diện tích cho anh Tiến và diện tích trồng cây còn lại, rãnh trên thuộc diện tích đất rừng của anh Tới, không thuộc diện tích 5000m² của vợ chồng anh Tiến. Cuối năm 2020 ông Hưởng chết không có di chúc. Sau đó gia đình anh Tới gồm anh Tới, anh Tiến, bà Vách, và các anh chị ruột là Trần Văn Phương , chị Trần Thị Trình cùng ở thôn AP đã họp gia đình và thống nhất làm thủ tục chia di sản thừa kế là toàn bộ quyền sử dụng thửa đất (Gồm cả diện tích cho vợ chồng anh Tiến mượn) và làm thủ tục thừa kế cho anh Trần Văn T1. Khi gia đình làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho anh Tới thì anh Tiến tự nguyện ký nhận do nghĩ bà Vách sẽ tặng cho lại anh Tiến quyền sử dụng 5000m² đất trên nhưng sau đó bà Vách làm thủ tục thừa kế quyền sử dụng cả thửa đất trên cho anh Trần Văn

T1. Tuy nhiên vợ chồng anh Tiến vẫn trồng và chăm sóc số cây bạch đàn đến nay do chưa đủ thời gian thu hoạch, hiện nay còn khoảng 850 cây bạch đàn.

Nay anh Tới đòi quyền sử dụng 5000m² đất trên thì anh Tiến không đồng ý vì ông Hưởng, bà Vách đã tặng quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh Tiến. Trường hợp anh Tới trả tiền số cây bạch đàn gắn liền đất trị giá 80.000.000 đồng thì anh Tiến đồng ý trả lại quyền sử dụng đất trên. Tại phiên tòa, anh Tiến đồng ý trả lại quyền sử dụng đất trên nhưng yêu cầu anh Tới phải trả tiền cây bạch đàn và công sức chăm sóc cây là 150.000.000 đồng.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Bùi Thị Vách tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa trình bày: Năm 1997 vợ chồng ông Trần Văn Hưởng, bà Bùi Thị Vách được Ủy ban nhân dân xã Trường Giang, huyện Lục Nam giao thửa đất để trồng rừng (Nay là thửa thửa đất số 00, tờ bản đồ 00, địa chỉ tại thôn AP, xã Trường Giang, huyện Lục Nam), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/ 12/ 2003, diện tích 14.700m² mang tên ông Trần Văn Hưởng, bà Bùi Thị Vách; mục đích sử dụng trồng cây lâu năm. Năm 2013, anh Trần Văn T2 hỏi mượn ông Hưởng, bà Vách quyền sử dụng khoảng 3000m² đất rừng thuộc thửa đất trên để anh Tiến trồng rừng; khi mượn thì không lập biên bản, chỉ thỏa thuận miệng khi nào ông Hưởng, bà Vách đòi lại thì phải trả toàn bộ quyền sử dụng đất. Từ đó đến nay vợ chồng anh Tiến, chị Nguyệt sử dụng toàn bộ diện tích đất trên để trồng rừng . Năm 2018 anh Tới và ông Hưởng đã múc rãnh làm ranh giới giữa hai diện tích đất. Cuối năm 2020 ông Hưởng chết không để lại di chúc. Sau khi ông Hưởng chết, ngày 06/10/2021 gia đình bà Vách gồm anh Tới, anh Tiến, bà Vách, anh Trần Văn Phương, chị Trần Thị Trình đã họp gia đình và thống nhất làm thủ tục chia di sản thừa kế là toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 00 (Gồm cả diện tích cho vợ chồng anh Tiến mượn) và làm thủ tục thừa kế cho anh Trần Văn T1. Khi gia đình làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho anh Tới thì anh Tiến ký nhận. Đến ngày 01/ 12/ 2021 thì anh Tới được Cơ quan Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, diện tích 14.700m² tại thôn AP, xã Trường Giang, huyện Lục nam, tỉnh Bắc Giang. Nay bà Vách xác định đã tặng cho anh Tới thừa kế toàn bộ diện tích thửa đất diện tích 14.700m² trên và không yêu cầu gì.

Chị Trần Thị Trình tại phiên tòa trình bày: Ngày 06/10/2021, gia đình bà Vách gồm anh Tới, anh Tiến, bà Vách, anh Trần Văn Phương, chị Trần Thị Trình đã họp gia đình và thống nhất làm thủ tục phân chia di sản thừa kế là toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 00, tờ bản đồ 00 (Gồm cả diện tích cho vợ chồng anh Tiến mượn) và làm thủ tục thừa kế cho anh Trần Văn T1. Khi gia đình làm thủ tục tặng cho và chuyển toàn bộ quyền sử dụng thửa đất làm thủ tục thừa kế cho anh Trần Văn T1 thì anh Tiến và tất cả mọi người đều tự nguyện ký nhận. Đến ngày 01/ 12/ 2021 thì anh Tới được Cơ quan Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, diện tích 14.700m² tại thôn AP, xã Trường Giang, huyện Lục nam, tỉnh Bắc Giang. Nay chị Trình xác định quyền sử dụng cả thửa đất rừng diện tích 14.700 m² trên thuộc quyền sử dụng của anh Tới do được thừa kế từ bà Vách. Chị Trình không có quyền lợi gì, không yêu cầu gì.

Anh Trần Văn Phương vắng mặt suốt quá trình tố tụng,

4. Ngày 16/ 01/2023 Tòa án nhân dân huyện Lục nam tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp gồm: Diện tích 4981,8 m² đất rừng sản xuất

thuộc thửa đất số 00, tờ bản đồ 00 (Diện tích cả thửa = 15.706,4m²), địa chỉ thửa đất tại thôn AP, xã Trường Giang, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Trên diện tích 4981,8m² đất có trồng cây bạch đàn đường kính gốc từ 05cm- 10cm, bình quân 1.600 cây/ha, tương đương 797 cây.

Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng dân sự huyện Lục Nam đã tiến hành định giá tài sản là quyền sử dụng đất rừng sản xuất = 7000 đồng/m²; 01 cây bạch đàn đường kính gốc từ 5cm -10cm = 109 .000đồng.

5. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc thực hiện Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành luật pháp của những người tham gia tố tụng, việc tiến hành thu thập chứng cứ và kiểm tra các chứng cứ đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng Điều 203 Luật đất đai ; các Điều 502, 503 Bộ luật dân sự, các điều 26, 35, 147, 227, 228 , các điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 12, Nghị quyết 326/ 2016/ UBTWQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí tòa án, xử : Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn: Buộc anh Tiến, chị Nguyệt phải trả lại anh Tới quyền sử dụng diện tích 4981,8 m² đất rừng sản xuất thuộc thửa số 00, tờ bản đồ 00 , địa chỉ thửa đất tại thôn AP, xã Trường Giang huyện Lục Nam .

Anh Tới được sở hữu 797 cây bạch đàn trên đất nhưng phải trả anh Tiến, chị Nguyệt 86.873.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Anh Tiến phải chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản .

Án phí: Anh Tiến phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm , tuy nhiên anh Tiến là người dân tộc thiểu số sống vùng đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, .

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt chị Nguyệt, chị Hoa nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền là anh Tiến và anh Tới tham gia tố tụng; anh Phương đã được Tòa án triệu tập đúng trình tự, thủ tục nhưng vắng mặt. Như vậy việc xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự tranh chấp về Hợp đồng mượn quyền sử dụng đất không thời hạn và đòi lại quyền sử dụng đất, do vậy việc khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về căn cứ khởi kiện: Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu trong hồ sơ vụ án thì nguồn gốc thửa đất số 00, tờ bản đồ 00, địa chỉ tại thôn AP, xã Trường Giang, huyện Lục nam do vợ chồng ông Trần Văn Hưởng, bà Bùi Thị Vách được UBND xã Trường Giang giao sử dụng, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/ 12/ 2003, diện tích 14.700m², mục đích sử dụng trồng cây lâu năm.

Về ý kiến của anh Trần Văn T2 cho rằng năm 2013 ông Hưởng và bà Vách đã nói miệng tặng cho vợ chồng anh Tiến, chị Nguyệt quyền sử dụng khoảng

0,5ha đất rừng thuộc thửa đất trên. Khi tặng cho thì không có biên bản gì, chỉ nói miệng. Tuy nhiên bà Bùi Thị Vách trình bày chỉ cho anh Tiến mượn quyền sử dụng diện tích khoảng 5000m² thuộc thửa đất số 00 để trồng rừng chứ không tặng cho anh Tiến; các đương sự không có tài liệu gì về việc tặng cho quyền sử dụng đất. Đồng thời, căn cứ Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 06/10/2021, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 06/10/2021 giữa bà Vách, anh Tiến là người tặng cho anh Tới toàn bộ diện tích 14.700m² đất rừng sản xuất tại thôn AP, xã Trường Giang, huyện Lục Nam, Đơn đăng ký biến động đất đai ngày 06/10/2021 của anh Trần Văn T1 và ngày 01/12/2021 đã được đăng ký biến động thay đổi tên chủ sử dụng là anh Trần Văn T1. Các văn bản phân chia di sản thừa kế, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên đã được chứng thực tại UBND xã Trường Giang, anh Tiến ký nhận tại các văn bản trên. Các đương sự đều trình bày việc ký nhận là đúng sự thực; không có ý kiến gì về các văn bản, Hợp đồng tặng cho anh Tới. Như vậy anh Tiến trình bày ông Hưởng, bà Vách đã cho anh Tiến quyền sử dụng 5000m² đất trên là không có căn cứ.

Về ý kiến của Nguyên đơn: Căn cứ khoản 7 Điều 95, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai, Điều 503 Bộ luật dân sự thì Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính tại Văn phòng đăng ký đất đai. Do vậy kể từ ngày 01/12/2021 anh Tới được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 00, tờ bản đồ 00, diện tích 14.700m², địa chỉ tại thôn AP, xã Trường Giang trên. Do vậy yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn yêu cầu anh Tiến, chị Nguyệt trả lại diện tích 4981,8 m² đất rừng sản xuất (Trị giá 34.872.600 đồng) là có căn cứ cần chấp nhận. Do vậy cần buộc anh Tiến, chị Nguyệt trả lại anh Tới quyền sử dụng 4981,8 m² đất rừng sản xuất thuộc đất số 00, tờ bản đồ 00, địa chỉ thửa đất tại thôn AP, xã Trường Giang huyện Lục Nam. Do anh Tiến, chị Nguyệt đã trồng 797 cây bạch đàn trên đất là những tài sản không thể tháo dỡ, di dời nên cần giao anh Tới sở hữu 797 cây bạch đàn trên nhưng phải trả anh Tiến, chị Nguyệt 86.873.000 đồng.

[4]. Về chi phí tố tụng khác: Anh Tiến không được chấp nhận yêu cầu nên anh Tiến phải chịu chi phí xem xét thẩm định, đo đạc tại chỗ và định giá tài sản. Do anh Tới đã tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản nên anh Tiến phải trả anh Tới tiền chi phí xem xét thẩm định, đo đạc và định giá tài sản trên.

[5]. Án phí: Do không được chấp nhận yêu cầu nên anh Tiến, chị Nguyệt phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên anh Tiến là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, chị Nguyệt phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều khoản 7 Điều 95, khoản 3 Điều 188, Điều 203 Luật đất đai 2013; các Điều 502, 503 Bộ luật dân sự, các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12, Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTWQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Buộc anh Trần Văn T2, chị Lưu Thị Nguyệt phải liên đới có nghĩa vụ trả anh Trần Văn T1 quyền sử dụng 4981,8 m² đất rừng sản xuất và tài sản gắn liền là 797 cây bạch đàn thuộc thửa đất số 00, tờ bản đồ 00, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/12/2003, được xác nhận đăng ký biến động thay đổi tên chủ sử dụng là anh Trần Văn T1 ngày 01/12/2021 (Gianh giới, diện tích, sơ đồ như miêu tả tại hiện trạng đo đạc ngày 16/01/2023), địa chỉ thửa đất tại thôn AP, xã Trường Giang huyện Lục Nam. Anh Trần Văn T1 được quyền sử dụng 4981,8 m² đất rừng sản xuất thuộc lô số 01 và sở hữu 797 cây bạch đàn gắn liền đất nhưng phải trả anh Trần Văn T2, chị Lưu Thị Nguyệt 86.873.000 đồng(Tám mươi sáu triệu tám trăm bảy ba nghìn đồng).

2. Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự: Anh Trần Văn T2 phải chịu chi phí xem xét thẩm định, đo đạc tại chỗ và định giá tài sản là 8.578.000 đồng. Do anh Tới đã tạm ứng chi phí trên nên anh Tiến phải trả anh Tới 8.578.000.đồng tiền chi phí xem xét thẩm định, đo đạc tại chỗ và định giá tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án dân sự hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Trường hợp bản án được thi hành theo tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 , 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với anh Tiến. Chị Nguyệt phải chịu 871.815 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên bản án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. .

Nơi nhận

- TAND T, BG
- VKSND H. Lục Nam
- THADS H. Lục Nam,
- Đương sự,
- UBND xã Trường Giang
- Lưu

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kiên

